|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: TH&THCS Chiềng Ơn**  **Tổ: THCS** | Họ và tên giáo viên:  Hoàng Văn Hà |

**Tiết 70+71: BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VI**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này HS sẽ đạt được các yêu cầu sau:

***-*** HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

+ Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính, ...); phỏng vấn, truyền thông, *Internet*; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường, ...).

+ Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo, ...).

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).

+ Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản.

+ So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.

+ Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.

+ Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).

+ Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8, ...) và trong thực tiễn.

+ Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.

***+*** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, PBT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức của toàn bộ chương VI. Một số yếu tố thống kê và xác suất

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức của chương VI. Một số yếu tố thông kê và xác suất.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu với các nội dung như sau:

+ Thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu

+ Phân tích và xử lí dữ liệu

+ Biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn

+ Biến cố trong một số trò chơi dân gian

+ Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi dân gian.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố lại toàn bộ kiến thức trong chương thông qua giải một số bài tập.

**b) Nội dung:**

- HS thực hiện hoàn thành lần lượt các bài tập theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:**

- HS giải đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thành **Bài 1, 2, 3**(SGK - tr37, 38).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV tự hoàn thành các bài tập vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện mỗi BT 2-4 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| Truyện ngắn | Tôi đi học (Thanh Tịnh); Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam); Lão Hạc (Nam Cao) |
| Tiểu thuyết | Người thầy đầu tiên (Chingiz Aitmatov); Tắt đèn (Ngô Tất Tố); Don Quixote (Miguel de Cervantes) |
| Truyện lịch sử | Lá cờ thêu sáu chữ vàng (Nguyễn Huy Tưởng) |
| Truyện cười | Cái kính (Aziz Nesin) |

**Bài 2:**

a)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | 2016 - 2017 | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 | 2019 – 2020 |
| Số học sinh THCS (triệu học sinh) | 5,4 | 5,5 | 5,6 | 5,9 |
| Số học sinh THPT (triệu học sinh) | 2,5 | 2,6 | 2,6 | 2,7 |

b)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | 2016 - 2017 | 2017 - 2018 | 2018 - 2019 | 2019 – 2020 |
| Tỉ số của số học sinh THCS và số học sinh THPT | 2,2 | 2,1 | 2,2 | 2,2 |

c) Tỉ số ổn định ở các năm học 2016 - 2017, 2018 - 2019, 2019 - 2020; năm học 2017 - 2018 có sự sụt giảm nhẹ.

**Bài 3:**

a)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1989 | 1999 | 2009 | 2019 |
| Tuổi thọ trung bình | 65,2 | 68,2 | 72,8 | 73,6 |

b) Tỉ số phần trăm của tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2019 và tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 1989 là: 73,6×10065,2 ≈ 113%.

Vậy nhận định của bài báo không chính xác.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

- GV nhận xét, đánh giá quá trình luyện tập của HS, lưu ý lỗi HS hay mắc phải khi thực hiện phân tích và xử lí số liệu

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

**b) Nội dung:** HS vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học trong chương thực hiện các bài tập GV giao.

**c) Sản phẩm:** HS thực hiện hoàn thành đúng kết quả các bài tập được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập từ **Bài 4** đến **Bài 5** (SGK – tr38).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV.

- GV dẫn dắt, hướng dẫn, hỗ trợ các HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động cặp đôi: Đại diện hai học sinh trình bày bảng.

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tích cực tham gia thảo luận hoàn thành yêu cầu; đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm.

**Kết quả:**

**Bài 4:**

a) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chia cho 4 dư 3" là 7. Có 1 kết quả thuận lợi cho biến cố đó. Vậy xác suất của biến cố là: 18.

b) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Chiếc kim chỉ vào hình quạt ghi số chỉ có đúng một ước nguyên tố" là 2, 3, 4, 5, 8. Có 5 kết quả thuận lợi cho biến cố đó. Vậy xác suất của biến cố là: 58.

**Bài 5:**

a) Khi số lần lấy thẻ càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố "Thẻ lấy ra ghi số chẵn" ngày càng gần xác suất của biến cố đó.

Khi số lần lấy thẻ càng lớn thì xác suất thực nghiệm của biến cố "Thẻ lấy ra ghi số lẻ" ngày càng gần xác suất của biến cố đó.

b) Các kết quả thuận lợi cho biến cố "Thẻ lấy ra ghi số chẵn" là 2, 4. Có 2 kết quả thuận lợi cho biến cố. Do đó, xác suất của biến cố đó là: 25.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động nhóm của HS.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong chương.

- Hoàn thành các bài tập SBT.

**Tiết 72 → ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**HS được ôn tập các kiến thức về:

- Thu thập và phân loại dữ liệu

- Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

- Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

**2. Năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học:

**+** Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép trong quá trình thực hiện các bài tập.

**+** Trình bày, diễn đạt được các nội dung về phân loại dữ liệu, phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ trong các bài toán giáo viên đưa ra đồng thời biết cách thể hiện chúng, giải thích cho người khác hiểu thông qua quá trình thuyết trình, trình bày sản phẩm; phản biện các nhóm còn lại.

**+** Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến những nội dung thực tế.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học:

**+** Thể hiện trong quá trình học giải các bài toán phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ, vẽ biểu đồ

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:

**+** Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh đọc sơ đồ để tổng hợp các kiến thức đã học gồm các nội dung chính là:

+ Thu thập và phân loại dữ liệu

+ Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

+ Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

b) **Nội dung:**

- Thảo luận câu hỏi: Ở chương VI: Một số yếu tố thống kê các em đã học mấy nội dung chính? Đó là những nội dung nào?

- Làm việc theo nhóm đôi. ID13 2022 KNTT STT…180

**c) Sản phẩm:**

**-** Kết quả của HS là lập sơ đồ và trả lời được câu hỏi ở trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Sơ đồ 1:** 

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi.  ? Ở chương VI: Một số yếu tố thống kê các em đã học mấy nội dung chính? Đó là những nội dung nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hai HS trong nhóm thảo luận rồi lập sơ đồ tư duy vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn một vài nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên đọc kết quả.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | Chương VI: Một số yếu tố thống kê gồm những nội dung sau:  - Thu thập và phân loại dữ liệu  - Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ  - Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

**Ôn tập lý thuyết (trò chơi)** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được ôn lại nội dung một số yếu tố thống kê đã học ở chương VI. Đó là:

+ Thu thập và phân loại dữ liệu

+ Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

+ Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung một số yếu tố thống kê đã học ở chương VI

**c) Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm ứng với 4 tổ, tham gia trò chơi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  Lớp chia thành 4 đội đua I; II; III và IV.  Trò chơi gồm có 2 vòng:  + Vòng loại với 6 câu hỏi. Thời gian suy nghĩ dành cho mỗi câu là 15 giây.  + Vòng về đích với 4 câu hỏi. Thời gian suy nghĩ dành cho mỗi câu là 30 giây.  Hết thời gian suy nghĩ cả bốn đội cùng đưa ra câu trả lời bằng cách giơ thẻ có chữ cái ứng với đáp án mình đã chọn.  Với mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm.  Sau vòng loại, đội có số điểm thấp nhất sẽ bị loại. 3 đội còn lại tiếp tục vào vòng sau. Sau vòng 2, đội nào có số điểm cao nhất là đội thắng cuộc.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Các HS trả lời từng câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các câu trả lời. | **Chọn chữ đứng trước câu trả lời đúng:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1:ID13 2022 KNTT STT…180**  Kết quả thu thập thông tin về các môn thể thao ưa thích của các học sinh khối lớp 7 ở một trường THCS như sau:  \* Các môn thể thao ưa thích: Cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá.  \* Số lượng học sinh ưa thích mỗi môn thể thao đó lần lượt là: 50; 30; 40; 80  Trong hai loại dữ liệu thống kê thu thập được ở trên, dữ liệu thống kê về các môn thể thao ưa thích là dữ liệu định lượng . Đúng hay sai?   1. Đúng B.Sai |  |   **Câu 2:ID13 2022 KNTT STT…180** Bạn Châu vẽ biểu đồ hình quạt tròn như hình bên để biểu diễn tỉ lệ các loại sách trong thư viện: *Khoa học (KH), Kĩ thuật và công nghệ (KT & CN), Văn học và Nghệ thuật (VH & NT), Sách khác.* Những dữ liệu mà bạn Châu nêu ra trong biểu đồ hình quạt tròn dữ liệu nào chưa hợp lí?     1. Khoa học 2. Kĩ thuật và công nghệ 3. Sách khác 4. Văn hoá và nghệ thuật   **Câu 3:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là dữ liệu định tính  A.Số huy chương vàng mà các vận động viên đã đạt được  B. Danh sách các vận động viên tham dự Olympic 2021: Nguyễn Văn Hoàng…  C. Số học sinh nữ của các tổ trong lớp 7A  D. Năm sinh của các thành viên trong gia đình em  **Câu 4:ID13 2022 KNTT STT…180** Cho bảng thống kê về tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách .  Cho các phát biểu sau :   1. Dữ liệu định lượng là các loại sách Lịch sử Việt Nam, Truyện tranh, thế giới động vật, các loại sách khác; 2. Dữ liệu định tính là tỉ số phần trăm: 25%; 20%; 30%; 25% 3. Dữ liệu chưa hợp lí là tỉ số phần trăm  |  |  | | --- | --- | | **Loại sách** | **Tỉ số phần trăm** | | **Lịch sử Việt Nam** | 25% | | **Truyện tranh** | 20% | | **Thế giới động vật** | 30% | | **Các loại sách khác** | 25% |   Số phát biểu sai là:   1. 2 2. 1 3. 3 4. 0   **Câu 5:ID13 2022 KNTT STT…180** Cho các dãy số liệu sau dữ liệu nào là dữ liệu định lượng   1. Các loại xe máy: Vision; SH; Wave Alpha; Winner… 2. Các môn thể thao yêu thích: bóng đá, nhảy cao, cầu lông; …. 3. Các loại màu sắc yêu thích: màu xanh, màu vàng,…. 4. Điểm trung bình môn Toán của các bạn học sinh trong lớp: 6,6; 7,2; 9,3; ….   **Câu 6:ID13 2022 KNTT STT…180** Trong cuộc khảo sát tìm hiểu về cách học của học sinh khối 8 được kết quả như sau:  Có 50% học sinh học qua đọc, viết.  Có 35% học sinh học qua nghe  Có 10% học qua vận động  Có 5% học sinh học qua quan sát.  Khẳng định nào sau đây là đúng?   1. Kết quả thu thập trên là dữ liệu định tính 2. Kết quả thu thập trên là dữ liệu định lượng 3. Kết quả trên dữ liệu phần trăm là dữ liệu định tính 4. Kết quả trên gồm cả dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng.   **Câu 7:ID13 2022 KNTT STT…180** Thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối 8 của một trường THCS dự thi hết học kì I môn Toán. Số liệu trong bảng bên không hợp lí là:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lớp** | **Sĩ số** | **Số học sinh dự thi** | | **8A** | 40 | 40 | | **8B** | 41 | 40 | | **8C** | 43 | 39 | | **8D** | 44 | 50 |  1. Số học sinh dự thi lớp 8D 2. Số học sinh dự thi lớp 8C 3. Số học sinh dự thi lớp 8B 4. Số học sinh dự thi lớp 8A   **Câu 8:ID13 2022 KNTT STT…180** Một công ty mới thành lập có ba cửa hàng bán sản phẩm. Số sản phẩm bán được của mỗi cửa hàng trong hai tháng đầu được biểu diễn bằng biểu đồ kép dưới đây. Trong 2 tháng, tổng số sản phẩm mà cửa hàng Hưng Thịnh bán được nhiều hơn tổng số sản phẩm cửa hàng An Bình bán được là:     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1. 1222 | 1. 320 | 1. 902 | 1. 311 |   **Câu 9:** Biểu đồ cột ở hình 33 ,biểu diễn kim ngạch xuất khẩu (ước đạt) của tỉnh Bình Dương vào các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.Trong giai đoạn từ 2016 – 2020 kim ngạch xuất khẩuhàng hoá của tỉnh Bình Dương trung bình là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ?    **Biểu đồ cột ở hình 33 ,biểu diễn kim ngạch xuất khẩu (ước đạt) của tỉnh Bình Dương vào các năm 2016,2017,2018,2019,2020.**  **Trong giai đoạn từ 2016 – 2020 kim ngạch xuất khẩu hang hoá của tỉnh Bình Dương trung bình là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ?**   1. 23,6478 tỉ đôla 2. 24,6478 tỉ đôla 3. 25,6478 tỉ đôla 4. 26,6478 tỉ đôla   **Câu 10:**  Biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn kết quả thống kê ( tính theo tỉ số phần trăm kế hoạch chi tiêu hàng tháng của gia đình bác An. Số tiền chi tiêu hàng tháng của gia đình bác An dành cho ăn uống gấp bao nhiêu lần số tiền dành cho tiết kiệm?     1. 1,25 2. 2,5 3. 1,5 4. 1,75   **BẢNG ĐÁP ÁN:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1B | 2C | 3A | 4B | 5A | | 6D | 7A | 8D | 9D | 10D | |

**3) Hoạt động 3: Luyện tập** (khoảng 20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs được ôn tập các bài tập liên quan đến một số yếu tố thống kê dạng bài tập tự luận.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được làm bài tập quan sát bảng thống kê, biểu đồ từ đó trả lời các câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS.

**-** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở, viết vào bảng nhóm của nhóm mình.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Làm bài tập 1:  **Bài 1**:**ID13 2022 KNTT STT…180** Sản lượng lúa hè thu và đông năm 2020 của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung phân theo từng địa phương thu được dữ liệu thống kê sau :  - Tỉnh; TP : *Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị ; Thừa Thiện Huế; Quảng  Ngãi; Bình Định; Phú Yên; Khánh Hòa ; Ninh Thuận; Bình Thuận.*  - Sản lượng lần lượt là : *264,2; 207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn).*  *(Nguồn : Niên giám thống kê 2021)*  Hãy phân loại các dữ liệu đó dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.  207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn). | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Thực hiện yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài tập 1.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | **Bài 1.ID13 2022 KNTT STT…180**  - Dữ liệu định tính : Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị ; Thừa Thiện Huế; Quảng Ngãi; Bình Định; Phú Yên; Khánh Hòa ; Ninh Thuận; Bình Thuận.  - Dữ liệu định lượng : 264,2; 207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động theo nhóm, lớp chia làm 4 nhóm.  **Bài 2:ID13 2022 KNTT STT…180** Biểu đồ cột kép biểu diễn diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận và Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 ( đơn vị: nghìn ha)    a)Lập bảng thống kê diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận và Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 *(đơn vị : nghìn ha)* theo mẫu sau :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2018 | 2019 | 2020 | | Bình Thuận |  |  |  | | Bình Phước |  |  |  |   b) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là bao nhiêu nghìn hecta ?  c) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 là bao nhiêu nghìn hecta?  d) Một bài báo nêu thông tin *“Tổng diện tích gieo trồng sắn ở Bình Thuận trong năm 2019 và 2020 là 54,4 nghìn ha, tỉ số phần trăm diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận năm 2020 và tổng diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là xấp xỉ 35 %”.* Theo em bài báo nêu thông tin có chính xác không ? | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Yêu cầu 1 nhóm nhanh nhất treo bảng phụ và báo cáo kết quả làm của nhóm mình.  - GV chính xác hóa kết quả của bài 2.  - Các nhóm còn lại đổi bảng phụ chấm chéo nhau | **Bài 2.**ID13 2022 KNTT STT…180a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2018 | 2019 | 2020 | | Bình Thuận | 25,7 | 26,4 | 28 | | Bình Phước | 13,6 | 10,3 | 5,9 |   b) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là:  25,7 + 26,4 + 28 = 80,1 (nghìn ha)  c) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 là:  13,6 + 10,3 + 5,9 = 29,8 (nghìn ha)  d) Tổng diện tích gieo trồng sắn ở Bình Thuận trong năm 2019 và 2020 là:  26,4 + 28 = 54,5 (nghìn ha)  Tỉ số phần trăm diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận năm 2020 và tổng diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là:  Vậy bài báo nêu thông tin chính xác |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  **Bài 3:ID13 2022 KNTT STT…180** Thống kê số người thích đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô của 1 xóm. Sau khi bình xét tỉ lệ phần trăm số người thích đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô lần lượt là 60%; 15%; 15%; 10%  a) Lập bảng thống kê số phần trăm người thích đi bộ; xe đạp; xe máy ; ôtô của 1 xóm đó theo mẫu sau :   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phương tiện** | **Đi bộ** | **Xe đạp** | **Xe máy** | **Ô tô** | | **Tỉ lệ phần trăm (%)** |  |  |  |  |   b) Hãy hoàn thiện biểu đồ bên để nhận được biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn các dữ liệu thống kê trên. Biết rằng hình quạt tròn biểu diễn dữ liệu hình bên đã được chia sẵn thành các hình quạt, mỗi hình quạt ứng với *5%.* | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Thực hiện yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV goi 1 HS lên bảng làm bài tập 3  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | **Bài 3.ID13 2022 KNTT STT…180**  Bài giải: |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (4 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức về một số yếu tố thống kê và xác suất vào dạng toán thực tế: Tính dung tích phổi chuẩn.

#### **b) Nội dung:** Vận dụng các kiến thức về một số yếu tố thống kê và xác suất vào dạng toán thực tế: Tính dung tích phổi chuẩn.

- Học sinh được làm bài tập áp dụng công thức tính dung tính phổi chuẩn, từ đó phân loại, lập bảng thống kê dung tích phổi chuẩn của từng cá nhân trong nhóm.

**c) Sản phẩm**: Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Dịch covid – 19 đã và đang là thách thức của nhân loại với số ca nhiễm và tử vong quá lớn. Theo các chuyên gia, phổi là bộ phận bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau khi mắc covid. Trong đợt kiểm tra sức khỏe học sinh, Phòng giáo dục của một huyện đã điều tra dung tích phổi chuẩn của 20 bạn học sinh nam lớp 7 có cùng chiều cao là 156,2cm và cân nặng 45,3kg, bộ phận điều tra thu được kết quả như sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 3581,5 | 3582 | 3581,5 | 3581,4 | 3581 | 3585 | 3583,4 | 3586,2 | 3587 | 3580 | | 3548 | 3559,3 | 3545 | 3582 | 3581 | 3588 | 3573 | 3546,5 | 3580 | 3590 |   Hãy điền số liệu thích hợp vào bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Phân loại dung tích phổi | Dưới chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | | Số học sinh | ? | ? | ? |   Biết công thức tính dung tích toàn phổi chuẩn đối với nam là:  Trong đó: H là chiều cao (đơn vị cm); W là cân nặng (tính bằng kg) (kết quả làm tròn đến hàng phần mười). | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - Thực hiện yêu cầu trên theo nhóm bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV goi 1 nhóm lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án.  - Nêu ý nghĩa của việc đo dung tích toàn phổi.  - Nêu các phương pháp tập luyện để tăng dung tích phổi. | **Bài giải:**  Dung tích phổi chuẩn đối với HS nam có chiều cao 156,2cm và cân nặng 45,3kg là:    Ta có bảng số liệu sau:   |  |  | | --- | --- | | Phân loại dung tích phổi | Số học sinh | | Dưới chuẩn | **9** | | Đạt chuẩn | **2** | | Trên chuẩn | **9** |   - Ý nghĩa của việc đo dung tích phổi: Theo thời gian, dung tích toàn phổi của chúng ta sẽ giảm dần kể từ khi sau 20 tuổi. Vì thế việc theo dõi sức khỏe phổi thường xuyên là rất cần thiết đối với con người. Đo dung tích toàn phổi là một trong những cách tốt nhất để theo dõi sức khỏe phổi. Thông qua số đo đó chúng ta có giải pháp kịp thời bảo vệ sức khỏe phổi, giữ cho phổi khỏe mạnh và cung cấp đủ lượng khí oxygen cần thiết cho cơ thể.  - Phương pháp tập luyện để tăng dung tích phổi: Tập các bài tập thể thao: Thở mím môi, thở bụng, bơi lội, đi bộ … |

**5. Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Ôn tập toàn bộ phần lý thuyết.

- Làm lại các bài tập trắc nghiệm và tự luận.

**\*. Rút kinh nghiệm:**